



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10951/2025/PKQ.25.4525

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần Đầu tư thương mại Địa ốc Capital Holding
Địa chỉ	Thửa đất số 284, tờ bản đồ số 5, Cụm công nghiệp Quý Ninh, xã Đồng Bằng, tỉnh Hưng Yên
Địa điểm quan trắc	Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Quý Ninh" thuộc Công ty cổ phần Đầu tư thương mại Địa ốc Capital Holding tại xã Đồng Bằng, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.01: Nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Tọa độ: X=20.653816, Y=106.405597
Ngày quan trắc	10/12/2025
Ngày phân tích	10/12/2025 đến 20/12/2025
Ngày trả kết quả	20/12/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, C _{max} ⁽¹⁾
				NT.01	
1	BOD ₅ (20°C) ^(*)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	4	30
2	Clorua (Cl) ^(*)	mg/L	TCVN 6194: 1996	63	500
3	Tổng Photpho (tính theo P) ^(*)	mg/L	TCVN 6202: 2008	0,32	4
4	Tổng Nito ^(*)	mg/L	TCVN 6638: 2000	18	20
5	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,008)	0,2
6	Sắt (Fe) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,24	1
7	Mangan (Mn) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,080	0,5
8	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,015	0,05
9	Đồng (Cu) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,025)	2
10	Kẽm (Zn) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,02)	3
11	Chì (Pb) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,0015	0,1
12	Cadimi (Cd) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0002)	0,05
13	Asen (As) ^(*)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	0,0015	0,05
14	Thủy ngân (Hg) ^(*)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0005)	0,005
15	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<2,4	5
16	Coliform ^(*)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2023	450	3.000
17	Crom (III)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,045	0,2

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 10951/2025/PKQ.25.4525

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- + Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- + (1): $C_{max} = C \times K_q \times K_f$. Trong đó:
 C_{max} là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải;
C là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp;
 K_q là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải (với $K_q = 1$ - lưu lượng dòng chảy của nguồn tiếp nhận nước thải (Q): $50 < Q \leq 200 \text{ m}^3/\text{s}$);
 K_f là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_f = 1$ - lưu lượng nguồn thải (F): $500 < F \leq 5.000 \text{ m}^3/24\text{h}$);
- + Áp dụng giá trị tối đa cho phép $C_{max} = C$ (không áp dụng hệ số K_q và K_f) đối với thông số: Coliform;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- " < ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Bắc Ninh, ngày 23 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Trâm

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Nguyễn Minh Quang